

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 24-TC/TNVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 10 năm 1982

THÔNG TƯ

Hướng dẫn bù tiền các mặt hàng cung cấp định lượng theo quyết định số 134-HĐBT ngày 17-8-1982 của Hội đồng Bộ trưởng

Thi hành Quyết định số 134-HĐBT ngày 17/8/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về chế độ đãi ngộ đối với công nhân viên chức, sau khi trao đổi thống nhất với Bộ Nội thương và Bộ Lương thực, Bộ Tài chính hướng dẫn một số điểm về tài chính như sau:

I- MỨC BÙ CHÊNH LỆCH GIÁ

Đơn giá bù tiền các mặt hàng cung cấp là khoản chênh lệch giữa mức giá làm căn cứ bù do Nhà nước quy định với giá cung cấp. Mức giá làm căn cứ bù do Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước công bố, mức giá này là mức khống chế tối đa cho từng địa phương. Căn cứ mức giá được Ủy ban Vật giá Nhà nước quy định cho tỉnh, thành phố. Chủ tịch ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có thể căn cứ vào giá thu mua ở từng khu vực, từng huyện sản xuất ra hàng hoá đó để quy định mức giá làm căn cứ bù cho từng khu vực, từng huyện.

, nhưng mức giá ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, quy định cụ thể không được cao hơn mức giá của Ủy ban Vật giá Nhà nước quy định cho tỉnh, thành phố.

II- NGUỒN TIỀN ĐỂ BÙ

Là một phần trong quỹ bù giá hàng cung cấp đã được kế hoạch hoá trong dự toán chi hàng năm của Ngân sách Nhà nước. Riêng những tháng cuối năm 1982 nếu thực hiện bù tiền tăng thêm do giá mới công bố cao hơn giá đã kế hoạch hoá và quỹ bù giá không đủ chi thì các tỉnh, thành phố được đưa số chi tăng thêm đó vào cân đối Ngân sách năm 1982.

III- KẾ HOẠCH HOÁ BÙ TIỀN

Trên cơ sở cân đối hàng hoá trong toàn quốc, Bộ Lương thực, Bộ Nội thương, sẽ quy định lượng hàng hoá bù tiền cho từng địa phương. Căn cứ lượng hàng hoá bù tiền đã được quy định, căn cứ vào đơn giá bù do Ủy ban Vật giá Nhà nước công bố và mức giá cụ thể ở từng khu vực do Chủ tịch ủy ban Nhân dân quy định. Sở Ty chủ quản lập kế hoạch bù tiền hàng năm, quý (có chia tháng) ở từng huyện trong tỉnh, trình ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố xét duyệt.

Để tránh việc cung cấp hiện vật và bù tiền trùng lặp nhiều lần; do đó yêu cầu kế hoạch này phải xác định những mặt hàng nào bù bằng tiền thay hiện vật thì phải tính cho cả tháng hoặc cho cả quý và bù tiền thay hiện vật cho tất cả cán bộ công nhân viên trên địa bàn một huyện hoặc một khu vực (gồm nhiều huyện). Các ngành chủ quản phải gửi kế hoạch này cho Sở. Ty tài chính, Ngân hàng tỉnh, thành phố làm căn cứ thực hiện; đồng thời sao gửi cho Bộ Tài chính và Bộ chủ quản để theo dõi.

IV- THẺ THỨC BÙ TIỀN

A. Đối với mặt hàng lương thực:

Ngành lương thực đảm nhiệm việc bù tiền trực tiếp cho các đối tượng. Thẻ thức bù tiền và hạch toán thi hành theo hướng dẫn tại điểm III Thông tư số 14-LT/TV ngày 21/12/1981 và Thông tư số 1396-LT/TV ngày 25/12/1981 của Bộ Lương thực và Bộ Lương thực sẽ có hướng dẫn cụ thể bổ sung về vấn đề này.

B. Đối với các mặt hàng cung cấp định lượng do ngành Nội thương quản lý.

1/ Cơ quan thực hiện việc bù tiền:

Để cho ngành Nội thương tập trung lực lượng thu mua và bán cung cấp cho các đối tượng, việc bù tiền sẽ do ngành tài chính tiến hành. Tuy nhiên ở tỉnh nào đó nếu việc bù tiền do ngành Nội thương thực hiện thuận lợi hơn thì ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố cân nhắc và quyết định.

Sau đây là hướng dẫn thẻ thức bù tiền do cơ quan tài chính tiến hành:

Sở, Ty tài chính bù tiền trực tiếp cho các cơ quan, xí nghiệp, trường học (sau đây gọi chung là cơ quan xí nghiệp) đóng trên địa bàn thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. Các Ban tài chính giá cả huyện bù cho các cơ quan đóng trên địa bàn huyện. Những cá

nhân không thuộc cơ quan nào quản lý thì cơ quan tài chính trực tiếp bù cho từng người.

2/ Căn cứ vào thủ tục bù:

Căn cứ bù tiền là tem phiếu đã phát hành hoặc sổ mua hàng đã được cơ quan thương nghiệp cấp (theo đúng đối tượng và định lượng hàng cung cấp đã được Nhà nước quy định).

Những tháng quy định trả tiền các cơ quan lập danh sách kê khai số cán bộ công nhân viên thuộc cơ quan mình và số người ăn theo của những cán bộ công nhân viên đó; tính toán số hàng, số tiền được bù theo giá và định lượng quy định. Đối với người về hưu, người ăn theo của họ và những người thuộc diện chính sách thì do Ty, Phòng thương binh xã hội kê khai. Số người ăn theo được kê khai theo người nữ cán bộ công nhân viên của gia đình. Trường hợp người nữ cán bộ công nhân viên này không ở cùng hộ khẩu thì kê khai ở cơ quan người nam cán bộ công nhân viên (bảng kê 1a, 1b, 2 kèm theo). Các bảng kê do thủ trưởng cơ quan ký và gửi cho cơ quan tài chính, kèm theo bảng kê khai là các ô tem phiếu quy định trả tiền, cắt dán thành tờ theo loại phiếu, theo định lượng. Số tem phiếu này phải khớp với bảng kê gửi cho cơ quan tài chính. Riêng bảng kê số 2 phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước mà cơ quan xí nghiệp có quan hệ giao dịch, để Ngân hàng có căn cứ kiểm tra, trả tiền. Trường hợp ở những nơi dùng sổ mua hàng do thương nghiệp cấp cho cơ quan, xí nghiệp . . . thì các cơ quan, xí nghiệp phải mang sổ đến để cơ quan tài chính đối chiếu với bảng kê. Bảng kê chi tiết mỗi năm làm một lần vào đầu năm. Hàng tháng có biến động đối tượng và định lượng thì thay đổi ở bảng kê tổng hợp kèm các chứng từ xác nhận sự tăng giảm đó.

Căn cứ các bảng kê của các cơ quan xí nghiệp đã được xem xét, đối chiếu, cơ quan tài chính chuyển tiền bằng lệnh chi (hoặc hạn mức chuyển tiền đặc biệt) cho các cơ quan xí nghiệp qua Ngân hàng có quan hệ giao dịch. Ngân hàng căn cứ số tiền tài chính chuyển đến và căn cứ bảng kê số 2 của cơ quan, xí nghiệp để trả tiền cho các cơ quan xí nghiệp đó.

Cơ quan, xí nghiệp chịu trách nhiệm thanh toán cho từng người.